

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ - ST
Ngày 04/4/2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đoàn
2. Bà Phạm Thị Huế

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2024, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Ngô Văn H, sinh năm 1974

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1977

Đều cùng địa chỉ: Thôn ĐTL, xã T, huyện ĐH, tỉnh TB.

(Tại phiên tòa có mặt ông H, bà K)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Văn H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị K kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 16/5/1994. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông không tu chí làm ăn. Ông

và bà K sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn ông xin được ly hôn bà Nguyễn Thị K.

Về con chung: Ông và bà K có 02 con chung là Ngô Thị H1, sinh năm 1994 và Ngô Thị Thu H2, sinh năm 2004. Ly hôn các con đã trưởng thành, tự lập kinh tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông và bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị K là bị đơn trình bày: Bà và ông Ngô Văn H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 16/5/1994. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông H không tu chí làm ăn. Bà và ông H sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay ông H xin ly hôn bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Ngô Thị H1, sinh năm 1994 và Ngô Thị Thu H2, sinh năm 2004. Ly hôn các con đã trưởng thành, tự lập kinh tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - ông Ngô Văn H, bị đơn bà Nguyễn Thị K đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn H: Cho ông H được ly hôn bà Nguyễn Thị K. Về con chung: 02 con chung là Ngô Thị H1, sinh năm 1994 và Ngô Thị Thu H2, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, ông H và bà K đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung giữa ông H và bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị K có nơi thường trú tại xã T, huyện ĐH, tỉnh TB, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị K có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 16/5/1994. Ủy ban nhân dân xã T cung cấp: Tại thời điểm đăng ký kết hôn bà Nguyễn Thị K chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng Ủy ban nhân dân xã T vẫn thực hiện việc đăng ký kết hôn cho bà K và ông H do tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 16/5/1994 các giấy tờ tùy thân của công dân chưa đồng bộ, việc đăng ký kết hôn dựa trên lời khai của công dân nên đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho ông H và bà K khi bà K chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình tại thời điểm đăng ký kết hôn. Xét thấy, tại giấy chứng minh nhân dân bà Nguyễn Thị K sinh ngày 08/12/1977. Thời điểm đăng ký kết hôn bà K mới 16 tuổi 5 tháng 8 ngày đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay ông H, bà K tuy đã đủ điều kiện kết hôn, nhưng cuộc sống chung lại phát sinh mâu thuẫn. Ông H xin ly hôn, bà K đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H xử cho ông H được ly hôn bà K là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông H và bà K có 02 con chung là Ngô Thị H1, sinh năm 1994 và Ngô Thị Thu H2, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông H và bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung giữa ông H và bà K.

[3] Về án phí: Ông H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Ông H và bà K có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Ngô Văn H được ly hôn bà Nguyễn Thị K.

2. Về con chung: Ông H và bà K có 02 con chung là Ngô Thị H1, sinh năm 1994 và Ngô Thị Thu H2, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Ông H chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng ông H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số

0003122 ngày 27/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiên án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông H và bà K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Thị Lan Phương